

国家级教学成果二等奖系列教材



亚非语言文学国家级特色专业建设点系列教材

GIÁO TRÌNH NGHE HIỂU TIẾNG VIỆT

越南语视听说教程(1)

谢群芳 兰 强◎编著

· 学生用书 ·



世界图书出版公司

策划编辑 刘正武
责任编辑 魏志华 李 婷
责任技编 刘上锦
封面设计 吴伟边

GIÁO TRÌNH NGHE HIỂU TIẾNG VIỆT

越南语视听说教程(1)

资源下载指南

登录“世界图书出版广东有限公司”官方网站 (<http://www.gdst.com.cn/>)，首先在页面上方注册/登录窗口完成注册。

1. 注册时需注意用户名不能为中文名，而是字母或字母+数字的组合形式。
2. 成功注册并登录之后，在页面右侧“图书查询”窗口中，搜索图书名称《越南语视听说教程（学生版）》，点击“查询”按钮，便可找到您所需要的书籍。
3. 点击红色字体的书名，进入图书详情资料，单击右上方“配mp3光盘，并提供下载”的蓝色字样，即可免费下载音频资源，保存在本地便可随时收听观看。

如需了解更多相关内容，请扫描“非通用语驿站”二维码，关注微信公众号；如需要学习更多课程，请扫描“非通在线”二维码。

精品课程资源



非通在线
www.ft-ol.com

国情文化资讯



非通用语驿站
微信公众号

咨询电话: (020) 84460421

ISBN 978-7-5192-5601-2



9 787519 125601 >

定价: 38.00 元

国家级教学成果

教材

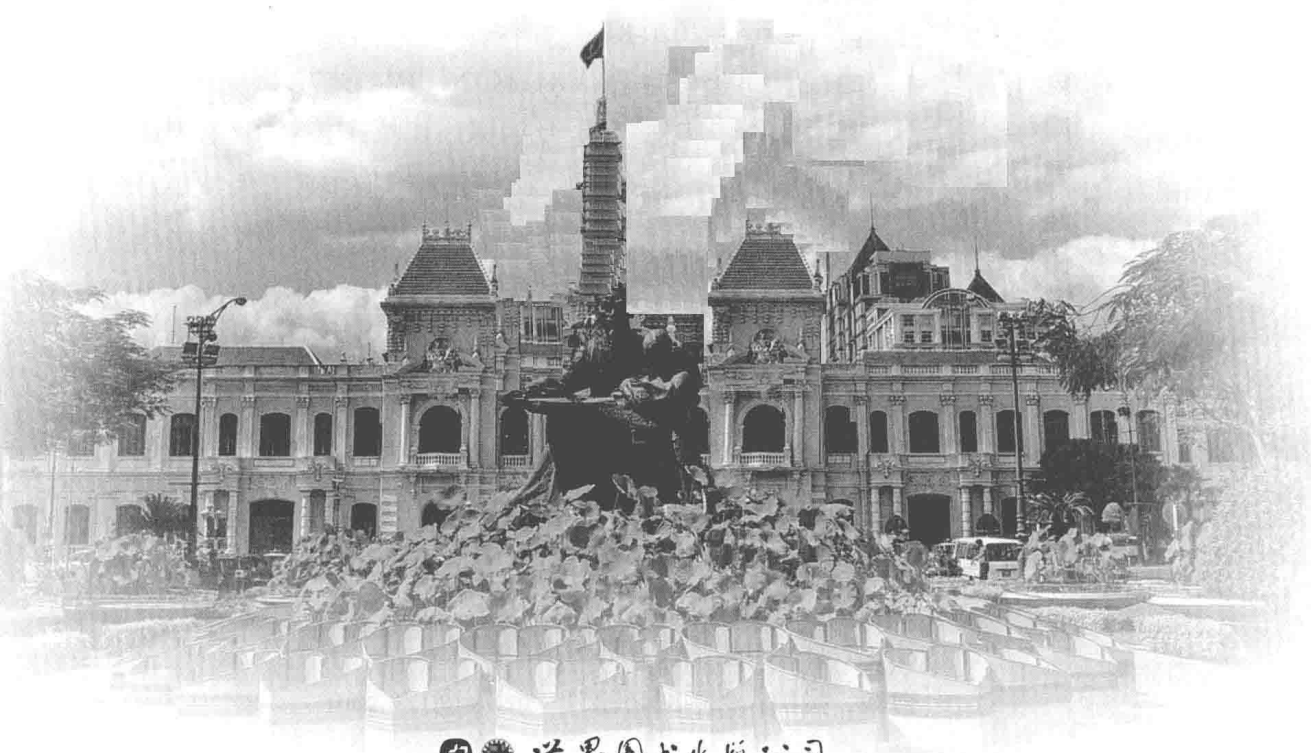
亚非语言文学国家级特色专业建设点为教材

GIÁO TRÌNH NGHE HIỂU TIẾNG VIỆT

越南语视听说教程(1)

谢群芳 兰 强◎编著

· 学生用书 ·



世界图书出版公司

广州·上海·西安·北京

此为试读, 需要完整PDF请访问: www.ertongbook.com

图书在版编目(CIP)数据

越南语视听说教程(1)学生用书 / 谢群芳, 兰强
编著. —广州: 世界图书出版广东有限公司, 2019.4
ISBN 978-7-5192-5601-2

I. ①越… II. ①谢… ②兰… III. ①越南语—
听说教学—高等学校—教材 IV. ①H449.4

中国版本图书馆CIP数据核字(2018)第299907号

书 名	越南语视听说教程(1)学生用书
	YUENANYU SHITINGSHUO JIAOCHENG(1) XUESHENG YONGSHU
编 著	谢群芳 兰 强
策划编辑	刘正武
责任编辑	魏志华 李 婷
特约编辑	孙衍峰
装帧设计	吴伟边
责任技编	刘上锦
出版发行	世界图书出版广东有限公司
地 址	广州市新港西路大江冲25号
邮 编	510300
电 话	020-84451969 84453623 84184026 84459579
网 址	http://www.gdst.com.cn
邮 箱	wpc_gdst@163.com
经 销	新华书店
印 刷	广州东瀚印刷有限公司
开 本	787mm×1092mm 1/16
印 张	11
字 数	220千
版 次	2019年4月第1版 2019年4月第1次印刷
国际书号	ISBN 978-7-5192-5601-2
定 价	38.00元

版权所有 侵权必究

(如有印装错误, 请与出版社联系)

咨询、投稿: 020-84460251 gzlzw@126.com

编者的话

《越南语视听说教程》为解放军外国语学院亚非语系主任、博士生导师钟智翔教授主持的国家级教学成果二等奖系列教材之一，也是国家外语非通用语种本科人才培养基地系列教材暨亚非语言文学国家级特色专业建设点建设教材。

视听说外语教学的重要内容，我院自1959年开设越南语专业以来，一直非常重视听说训练，并逐渐形成了“以听抄为基础、精泛听结合、精讲多练、概述并评析”的传统。具体而言，精听就是逐字听抄；泛听采取三遍听解法：第一遍听取信息概况，第二遍听取信息主体，第三遍听取信息细节；精讲内容为错误率较高的地方，一般从语音、语法、语境等角度进行分析推断；概述并评析属于“说”模块，是对输入信息进行解读后的输出。与此相应，本教程从选材、编排到练习题设置都鲜明地体现该传统。

《越南语视听说教程》一套共三册，分别对应越南语专业本科二、三、四年级视听说课程。每册编写32课，共96课，能满足192学时的教学。教材包括学生用书和教师用书。教师用书提供练习题参考答案和素材全文。社会上有一定越南语基础的人也可利用本套教材自学，逐步提高听力水平。

本套教材自2010年编写伊始就成立了由孙衍峰教授牵头、以越南语专业视听说教研组为主体的编材小组，共同拟定编写纲要、确定选材标准、商定体例和习题类型，以保证整套教材的系统性并将本院视听说教学传统融贯其间。编材小组遵循“由浅入深、循序渐进”的原则，在能力指标方面，设定为二年级结束能听懂简短的时政新闻；三年级结束能听懂800字左右的时政新闻、专题和较简单的南部音素材；本科毕业时能听懂越南语自由对话。为达到上述目标，教材内容全部选自越南原版的音频、视频；选用的素材是经过全文听抄、反复校对并请越南专家帮助确定，尽可能做到准确。内容方面，突出知识性、趣味性、多样性，希望藉此激发学生的学习积极性和主动性。具体而言，二年级教材多选用简短的时政新闻和一些小专题，训练重点是听音、辨音，把握素材的基本结构；三年级主要选用篇幅较长的时政新闻、1000字左右的专题报道和简单的方言素材，训练重点是根据语境、语法推敲词汇及信息提取和归纳的能力；四年级以小品为主，训练重点为综合运用语言、文化、国情知识提升对自由对话的听解能力。

在体例上，每课设注释和练习。注释内容一般为背景知识、文中具体的知识点和生僻词汇。练习部分设置判断、填空、简答、听抄和概述或评析等题型。判断题旨在检查学生对素材基本观点、基本事实以及话语含义的理解情况；填空题要求学生根据语音、

语境和句法推断词汇；简答题训练学生对素材信息进行归纳、总结、推演的能力；听抄为全要素训练；概述或评析题要求学生就素材内容进行概述、分析、评论并用越南语表达。

本教材的编写和出版，得到了解放军外国语学院亚非语系教材建设委员会、亚非语言文学二级学科博士学位授权点以及中国出版集团世界图书出版(广东)有限公司的大力支持，在此谨表诚挚的谢意。世界图书出版有限公司的刘正武先生对本套教材的出版灌注了大量心血，在此特别致谢。此外，教研室同行对编写工作给予了诸多指点和帮助，李华杰、周伊芸、姜寓、赵芳玲、符晓敏、祁春来等同学参加了部分素材的整理，在此一并致谢。

由于水平有限，本教材可能还存在不妥和疏漏之处，恳请学界同仁、各位专家不吝批评指正。

编 者

2018年8月

于解放军外国语学院

MỤC LỤC

Bài 1	VÀI NÉT VỀ KẾT CẤU BẢN TIN THỜI SỰ TIẾNG VIỆT - NHỮNG LỜI MỞ ĐẦU, LỜI KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH.....	1
	CHÚ THÍCH	1
	TỪ MỚI	2
	BÀI TẬP	3
Bài 2	THUÊ PHÒNG, ĐẶT VÉ VÀ TRONG KHÁCH SẠN.....	6
	CHÚ THÍCH	6
	TỪ MỚI	6
	BÀI TẬP	7
Bài 3	BẢN TIN NGẮN VÀ BẢN TIN ĐỌC CHẬM (1)	10
	CHÚ THÍCH	10
	TỪ MỚI	10
	BÀI TẬP	11
Bài 4	BẢN TIN NGẮN VÀ BẢN TIN ĐỌC CHẬM (2)	13
	CHÚ THÍCH	13
	TỪ MỚI.....	13
	BÀI TẬP	14
Bài 5	BẢN TIN NGẮN VÀ BẢN TIN ĐỌC CHẬM (3)	16
	CHÚ THÍCH	16
	TỪ MỚI	17
	BÀI TẬP	18
Bài 6	BẢN TIN NGẮN VÀ BẢN TIN ĐỌC CHẬM (4)	21
	CHÚ THÍCH	21
	TỪ MỚI	22
	BÀI TẬP	23

Bài 7	BẢN TIN NGẮN VỀ BUỔI CHIỀU ĐÃI CỦA BỘ QUỐC PHÒNG	25
	CHÚ THÍCH	25
	TỪ MỚI	26
	BÀI TẬP	27
Bài 8	BẢN TIN NGẮN VỀ NGƯỜI ĐÁNH CÁ CỦA BẮC HẢI	29
	CHÚ THÍCH	29
	TỪ MỚI	30
	BÀI TẬP	31
Bài 9	BẢN TIN NGẮN QUỐC TẾ TỔNG HỢP	34
	CHÚ THÍCH	34
	TỪ MỚI	34
	BÀI TẬP	36
Bài 10	CHUYỆN NGẮN VỀ MÀU SẮC TỰ NHIÊN	38
	CHÚ THÍCH	38
	TỪ MỚI	39
	BÀI TẬP	39
Bài 11	CHUYỆN NGẮN VỀ TRIẾT LÝ ĐỜI SỐNG(1)	42
	CHÚ THÍCH	42
	TỪ MỚI	42
	BÀI TẬP	43
Bài 12	CHUYỆN NGẮN VỀ TRIẾT LÝ ĐỜI SỐNG(2)	46
	CHÚ THÍCH	46
	TỪ MỚI	46
	BÀI TẬP	47
Bài 13	TẾT TRUNG THU VIỆT NAM	50
	CHÚ THÍCH	50
	TỪ MỚI	51
	BÀI TẬP	52

Bài 14	NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM	55
	CHÚ THÍCH	55
	TỪ MỚI	57
	BÀI TẬP	58
Bài 15	MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	61
	CHÚ THÍCH	61
	TỪ MỚI	62
	BÀI TẬP	63
Bài 16	QUỐC HỘI VIỆT NAM	66
	CHÚ THÍCH	66
	TỪ MỚI	68
	BÀI TẬP	69
Bài 17	NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ	72
	CHÚ THÍCH	72
	TỪ MỚI	75
	BÀI TẬP	76
Bài 18	BẢN TIN VỀ SỰ KIẾN TAI NẠN	79
	CHÚ THÍCH	79
	TỪ MỚI	80
	BÀI TẬP	82
Bài 19	BẢN TIN VỀ CHIẾN TRANH	84
	CHÚ THÍCH	84
	TỪ MỚI	85
	BÀI TẬP	87
Bài 20	BẢN TIN VỀ CHUYẾN THĂM CẤP NHÀ NƯỚC (1)	90
	CHÚ THÍCH	90
	TỪ MỚI	91
	BÀI TẬP	92

Bài 21	BẢN TIN VỀ CHUYẾN THĂM CẤP NHÀ NƯỚC (2)	95
	CHÚ THÍCH	95
	TỪ MỚI	96
	BÀI TẬP	97
Bài 22	ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM	100
	CHÚ THÍCH	100
	TỪ MỚI	102
	BÀI TẬP	103
Bài 23	DỰ BÁO THỜI TIẾT	106
	CHÚ THÍCH	106
	TỪ MỚI	106
	BÀI TẬP	108
Bài 24	HOÀNG THÀNH THĂNG LONG	111
	CHÚ THÍCH	111
	TỪ MỚI	114
	BÀI TẬP	114
Bài 25	CẢNG HẢI PHÒNG	117
	CHÚ THÍCH	117
	TỪ MỚI	119
	BÀI TẬP	121
Bài 26	HOA HẬU VÀ ÁO DÀI VIỆT NAM	124
	CHÚ THÍCH	124
	TỪ MỚI	126
	BÀI TẬP	127
Bài 27	NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG	129
	CHÚ THÍCH	129
	TỪ MỚI	130
	BÀI TẬP	131

Bài 28 NGÀY QUỐC KHÁNH VIỆT NAM..... 134
CHÚ THÍCH 134
TỪ MỚI..... 136
BÀI TẬP..... 137

Bài 29 NGÀY KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ 140
CHÚ THÍCH 140
TỪ MỚI..... 142
BÀI TẬP..... 143

Bài 30 NGÀY SINH BÁC HỒ..... 146
CHÚ THÍCH 146
TỪ MỚI..... 147
BÀI TẬP..... 148

Bài 31 VÀI NÉT VỀ TẾT VIỆT NAM (I)..... 151
CHÚ THÍCH 151
TỪ MỚI..... 154
BÀI TẬP..... 155

Bài 32 VÀI NÉT VỀ TẾT VIỆT NAM (II)..... 158
CHÚ THÍCH 158
TỪ MỚI..... 160
BÀI TẬP..... 161

VÀI NÉT VỀ KẾT CẤU BẢN TIN THỜI SỰ TIẾNG VIỆT - NHỮNG LỜI MỞ ĐẦU, LỜI KẾT THỨC CHƯƠNG TRÌNH



关于越南语新闻常用语结构

1 开始语中共同的结构

- 招呼语（寒暄语）：Kính chào / Thưa quý vị và các bạn!
- 常用词的固定位置、顺序；
- 语段中间的关联词：mời, chào, trước hết, sau đây, dưới đây, và, v.v.

(1) 总体介绍

Chương trình “Thời sự” của Đài Truyền hình Việt Nam hôm nay có những tin chính / đáng chú ý sau đây.

(2) 分栏目介绍

Phần tin hàng ngày; tiết mục văn nghệ; chuyên mục “Hà Nội ngày nay”; phóng sự: Con mắt sáng của người trẻ; Hộp thư VOV: trả lời thỉnh giả ở các nước châu Âu; Học tiếng Anh giao tiếp; Giai điệu quê hương với những ca khúc về thầy cô.



2 过渡语结构

新闻以……继续: Phần Tin ... xin được tiếp tục với những ...

Tiếp theo / Sau đây, chúng tôi sẽ ...

Bây giờ là ...

3 结束语结构

——简明扼要式: (感谢) + 再见 (cảm ơn + chào tạm biệt)

——详细说明式: 总结句 + 感谢 + 再见 (... đến đây là hết! / Trên đây / Vừa rồi là... + cảm ơn + chào thân ái)



quí vị

Đài Tiếng nói Việt Nam

sau đây

địa bàn

tưng bừng

khai giảng

Đài Truyền hình Việt Nam

truyền

chương trình

phát thanh

thường lệ

đồng bào

chuyên mục

phóng sự

hộp thư

thính giả

giai điệu

phóng viên

hợp mặt

tầng lớp

đón nghe

thường lệ

各位, 诸位

“越南之声”广播电台

此后, 下面

地盘, 领域

热烈, 兴高采烈, 欢欣鼓舞

开讲, 开课, 开学

越南电视台

播送(节目)

节目; 章程

广播, 播音

惯例

同胞

专栏

通讯, 报告文学

信箱

听众

佳曲

记者

聚首, 聚会

阶层

收听

惯例

mục	栏目
nhịp cầu	(一座)桥梁
theo dõi	关注, 本文意为“收听(看)”
dự báo thời tiết	天气预报
vùng	地区
nhạy nhay	敏捷
chuẩn mực	标准, 规范

BÀI TẬP

I. Điền những từ ngữ đã bỏ sót trong các câu sau đây theo bài; rồi tập nói sau người đọc.

1. Kính chào quý vị và các bạn! Quý vị và các bạn đang theo dõi Bản tin thời sự của Đài Truyền hình Việt Nam. Và ngay () sẽ là những nội dung chính () trong bản tin.
Hôm nay mùng 4-9, nhiều trường học trên () cả nước đã () năm học mới 2014-2015.

2. “Đây là tiếng nói Việt Nam (), thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”

3. “Chương trình phát thanh () Việt Nam ở xa Tổ quốc.”

4. Xin kính chào quý vị và các bạn! Mời quý vị và các bạn () chương trình thời sự của đài Truyền hình Việt Nam.

5. Kính chào quý vị và các bạn! () chương trình thời sự tối thứ 4 ngày mùng 2-9 của Đài Truyền hình Việt Nam.

6. Kính chào quý vị ()! Mời quý vị cùng theo dõi bản tin thời của Đài Truyền hình Việt Nam.

7. Trước hết mời quý vị và các bạn nghe phần tin với () sau đây.

8. Kính chào quý vị và các bạn! Mời quý vị và các bạn cùng theo dõi chương trình thời sự của Đài Truyền hình Việt Nam. Chương trình tối nay thứ 5 () sẽ có những nội dung () sau đây.

9. Bản tin xin được tiếp tục với () Đại sứ quán VN () Nhật Bản và Rumani kỷ niệm

Quốc khánh 2-9.

10. Những thông tin vừa rồi đã () lại chương trình Thời sự của ĐTHVN. Cảm ơn quý vị và các bạn đã quan tâm theo dõi và xin kính chào tạm biệt!

II. Tập nghe đoạn tin ngắn, phán đoán những câu sau đây đúng hay sai.

1. Kính chào quý vị và các bạn! Mời quý vị và các bạn theo dõi chương trình thời sự trưa nay mùng 9-8 của Đài Truyền hình Việt Nam. ()

2. Xin chào quý vị và các bạn! Bây giờ mời quý vị và các bạn theo dõi bản tin thời sự 12 giờ trưa của Đài Truyền hình Việt Nam. ()

3. Kính chào quý vị và các bạn! Mời quý vị và các bạn theo dõi chương trình Thời sự tối nay chủ nhật ngày 22-12 của Đài Truyền hình Việt Nam. Và sau đây sẽ là những tin chính sẽ đưa trong chương trình tối nay. ()

4. Tiếp sau đây, biên tập viên Kỳ Vọng sẽ truyền đến quý vị và các bạn những tin tức quốc tế. ()

5. Quý vị và các bạn và nghe bản tin của Đài Tiếng nói Việt Nam. ()

III. Viết ra những từ ngữ và câu sau đây bằng tiếng Việt

越南之声广播电台

越南电视台

中国中央对外广播电台

各位亲爱的听众，您好！

谢谢各位收听我们的节目

今天新闻的主要内容有(是)

以下是详细报道

今天的节目暂时到这，下次再见。

午间新闻到这就结束了

刚才各位收听的是中央广播电台的节目

节目最后请看天气预报

亲爱的观众朋友们，再见。

IV. Chép lại những câu mà bạn đã nghe dưới đây.

1.

2.

3.

4.

5.

V. Đọc thuộc lòng và ghi chép những lời thường dùng của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam.

VI. Bạn hãy viết ra một bản tin ngắn hoàn chỉnh dựa trên những tài liệu trong bài văn.

Bài 2

THUÊ PHÒNG, ĐẶT VÉ VÀ TRONG KHÁCH SẠN



CHÚ THÍCH

越南许多城市的房屋出租广告、房屋中介随处可见。以河内为例，若是去留学或短暂居住，租房是比较好的选择，只要遵守法律办理好相关手续即可。大学周围的许多民居都有对外出租的业务，租金也不太高，朋友介绍则最好，也比较放心。有的房东提供三餐伙食，方便学习者交流学习。如果是在商业街附近租房，租金就会大大提高了。



TỪ MỚI

thuê phòng	租房; 预订房间
đặt vé	订票
khách sạn	旅店, 客栈, 招待所; 宾馆, 酒店
người Nhật	日本人
bao lâu	多久
giá thuê	租金
đôla Mỹ	美元
không sao	不妨, 没关系, 不打紧
quay lại	转回来
đăng ký	登记, 注册
phòng trống	空房间
liệu	估计, 预料, 揣度
bỏ chỗ	退房
gọi lại	再打电话